

Bản án số: **01/2020/HSST**
Ngày 05/01/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đào Thị Hồng Lý**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Đức Hiếu**.

2. Ông **Phùng Văn Tầu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mạnh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Phương Thảo**, Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 304/2020/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. PHẠM TUẤN D, sinh năm 1980 tại H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, khu T, Thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Thanh V (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Kim T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thương H và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Theo danh chỉ bản số **451 ngày 15/07/2020** tại Công an quận H, Hà Nội bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân: + Tại bản án số 287/2001/HSPT ngày 10/8/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ra trại ngày 08/02/2003; + Tại bản án số 44/2012/HSST ngày 15/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, ra trại ngày 14/01/2014; + Tại bản án số 157/2014/HSST ngày 26/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 01/9/2016; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến nay (hiện

đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H); Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. VĂN MINH T, sinh năm 1981 tại V; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Văn Minh N (đã chết) và con bà Đào Thị T; có vợ Hoàng Thị Thùy D (đã ly hôn) và 02 con đều sinh năm 2016; theo danh chỉ bản số **450 ngày 15/07/2020** tại Công an quận H, Hà Nội bị cáo không có tiền án, tiền sự; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến nay (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H); Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. CAO XUÂN K, sinh năm 1990 tại H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 10, xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; con ông Cao Xuân N và con bà Hoàng Thị L, bị cáo chưa có vợ con; Theo danh chỉ bản số **611 ngày 12/10/2020** tại Công an quận H, Hà Nội bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân: Tại bản án số 53/2011/HSST ngày 07/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, ra trại ngày 27/05/2013; Tại quyết định số 06 ngày 21/06/2016, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời gian là 12 tháng; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2020 đến nay (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H); Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. NGÔ MINH M, sinh năm 1985 tại H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 9, Tổ 6, khu T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Ngô Minh D và con bà Dương Thị B; có vợ là Dương Thị B và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Theo danh chỉ bản số **452 ngày 15/07/2020** tại Công an quận H, Hà Nội bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân: Tại Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C, thành phố Hà Nội về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại trung tâm với thời gian là 24 tháng; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2020 đến nay (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H); Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Anh Vũ Đình C - sinh năm 1979.

Hiện trú tại: số nhà 37, LK 16, tổ 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị Cao Thị Kim T – sinh năm 1987.

Hiện trú tại: Số 1112, Tòa HH03D, khu đô thị T, Cự Khê, huyện T, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/20018, chị Cao Thị Kim T sinh năm 1987, trú tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ có nhu cầu làm nội thất nhà nên tìm hiểu thông tin qua mạng Internet và quen biết anh Vũ Đình C sinh năm 1979, trú tại Tổ 19, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi trao đổi, anh C nhận làm nội thất cho chị T và đã được chị T ứng trước số tiền 41.458.000 đồng. Sau đó, anh C đã thuê thợ đến làm nội thất cho chị T, tuy nhiên sau khi hoàn thiện xong chị T và anh C chưa thống nhất với nhau về chi phí hoàn thiện. Khoảng 01 tháng sau, thợ làm nội thất đến nhà chị T yêu cầu thanh toán tiền. Lúc này chị T mới biết anh C đã được ứng tiền từ trước nhưng chưa thanh toán cho thợ nên đã phải bỏ tiền trả thợ và yêu cầu anh C trả lại số tiền đã ứng trước, nhưng anh C chưa trả.

Tiếp đó, khoảng tháng 5/2019, anh C có hỏi vay chị T 20.000.000 đồng. Chị T không có tiền mặt nên đã đưa cho anh C 01 thẻ vay tiêu dùng có hạn mức còn lại là 84.500.0000 đồng. Sau khi nhận thẻ, anh C đã chi tiêu hết số tiền còn lại trong thẻ và vẫn chưa có tiền trả cho chị T nên hàng tháng chị T vẫn phải chi trả tiền lãi cho ngân hàng. Tính đến tháng 12/2019, chị T đã thanh toán tiền gốc và lãi với ngân hàng hết tổng cộng 120.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền anh C còn nợ chị T là 161.458.000 đồng.

Ngoài ra, anh C còn mượn của chị T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision đem đi cầm cố nhưng chưa có tiền chuộc. Chị T đã chuộc xe về hết số tiền 14.500.000 đồng và anh C đồng ý trả chị T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081. Sau đó, do anh C không có phương tiện đi lại nên chị T cho mượn lại chiếc xe này để sử dụng.

Đến khoảng giữa tháng 3/2020, chị T quen biết và có quan hệ tình cảm với Văn Minh T nên có kể cho T biết việc anh C còn nợ chị T số tiền khoảng 160.000.000 đồng, đã nhiều lần đòi nhưng chưa trả. T nói với chị T để T nhờ bạn là Phạm Tuấn D đòi nợ giúp. Ngày 15/3/2020, T hẹn gặp Tuấn D và nói lại

chuyện chị T cho anh C vay tiền, đã nhiều lần đòi không được và còn bị đe dọa, rồi T nhờ Tuấn D đòi nợ giúp, D nhận lời. T cho Tuấn D số điện thoại của chị T để liên lạc. Tuấn D gọi điện và được chị T kể lại nội dung sự việc, cung cấp ảnh, số điện thoại, địa chỉ nơi làm việc của anh C. Tối cùng ngày, Tuấn D kể lại việc T nhờ đòi nợ với bạn là Nguyễn Tiến D và Ngô Minh M rồi rủ đi cùng, D và M đồng ý.

Đến chiều ngày 17/3/2020, T, Tuấn D, Tiến D và M đến quán cà phê gần nơi làm việc của anh C ở Trường Đại học S, ở Số 18/55, đường T, quận H, thành phố Hà Nội để tìm gặp anh C nói chuyện nhưng không gặp nên đi về.

Tối 17/3/2020, Tuấn D nói lại chuyện T nhờ đòi nợ với Cao Xuân K và rủ K đi cùng, K đồng ý. Khi Tuấn D nói chuyện với K, Tiến D và M cũng có mặt.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 18/3/2020, Tuấn D, K, M, Tiến D đi đến quán cà phê Style ở Số 16, Ngõ 55, Tổ 11, phường V, quận H, thành phố Hà Nội gặp T. Khi gặp nhau, T bảo M và Tiến D sang quán đổi diện ngồi, còn Tuấn D và K ngồi cùng T. Tiếp đó, Tuấn D gọi điện, nhắn tin cho anh C hẹn ra quán nước nói chuyện. Khoảng 10 phút sau, anh C đi xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081 đến và dùng tay ra hiệu cho nhóm T sang gặp nhau ở quán nước bên kia đường. Thấy vậy, T bức tức nói với Tuấn D và K: Thằng này tí phải đánh cảnh cáo cho mấy cái. Sau đó, Tuấn D, K, M, Tiến D đi trên hai xe máy sang chỗ anh C chỉ, T thanh toán tiền nước rồi đi ô tô sang sau. Khi cả nhóm tới quán nước của anh Nguyễn Văn T tại khu vực vỉa hè đầu Ngõ 2, đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, thấy anh C đang ngồi tại bàn uống nước, K và Tuấn D đi vào gặp anh C. Anh C nói: Có gì anh em ngồi xuống nói chuyện. Lúc này, T đỗ xe ở đầu ngõ đi bộ vào thấy anh C ngồi áp lưng vào tường ngõ; Tuấn D, K, M, Tiến D ngồi xung quanh; còn T đứng sau Tuấn D. Tuấn D hỏi anh C về việc nợ tiền chị T không trả, còn dọa đánh chị T. T bảo D yêu cầu anh C viết giấy nhận nợ và bảo K đi mượn bút, còn T ra xe ô tô lấy giấy đưa cho K rồi đi đón chị T đến nói chuyện với anh C. Trên đường đi, T gọi điện nói với Tuấn D yêu cầu anh C viết “Giấy nhận tiền mặt” với nội dung: “Vào ngày 14/5/2019, C nhận của chị T số tiền 160.000.000 đồng để lo cho chị T thi vào công chức biên chế trường Đại học S, nơi tôi đang công tác và làm việc. Sau thời gian 03 tháng, tức ngày 14/8/2019, chị T sẽ nhận được quyết định để có thể đi làm. Sau khoảng thời gian theo giấy nhận tiền và cam kết mà chị T không nhận được quyết định đi làm thì tôi sẽ hoàn trả lại số tiền 160.000.000 đồng cho chị T”. Khi D đọc cho anh C viết, anh C không đồng ý và hỏi tại sao viết nội dung như vậy. Tuấn D nói: Việc của mày là cứ viết đi, không có quyền thắc

mắc. T còn bảo Tuấn D yêu cầu anh C xin lỗi và quay hình ảnh để gửi cho chị T nên Tuấn D bảo M dùng điện thoại Iphone 6 của M quay video. Tuấn D còn yêu cầu anh C lấy giấy tờ ra để điền thông tin cá nhân. Sau khi viết xong giấy nhận tiền, Tuấn D gọi điện cho T thì T bảo Tuấn D yêu cầu anh C viết tiếp “Giấy hẹn trả tiền” với nội dung: “Hôm nay ngày 18/3/2010, số tiền 160.000.000 đồng tôi đã nhận vào ngày 14/5/2020 của chị T đến nay đã quá hạn, nay tôi xin hẹn và khát trong 7 ngày, từ ngày 18/3/2020 đến 25/3/2020, sẽ hoàn trả đầy đủ cho chị T số tiền tôi đã nhận trước đó”. Khi viết gần xong thì T đưa chị T đến, chị T cầm giấy đọc và hỏi lại tại sao lại viết nội dung là nhận chạy việc. Tuấn D nói với chị T: Tính cả lãi thế là còn ít, C nó viết thế nào thì chị cứ biết như thế. Nghe Tuấn D nói vậy, chị T không hỏi lại gì nữa và yêu cầu anh C viết thêm chữ “Kim” vào phần tên đệm của chị T cho đầy đủ là “Cao Thị Kim T” trong tờ “Giấy nhận tiền mặt”. Anh C viết xong thì chị T cầm tờ giấy trên rồi cùng T đi về trước.

Khi đi qua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081 mà anh C đi đến quán, chị T nhìn thấy xe và nói: Cái xe này ngày xưa nó trả cho em rồi đấy, trước nó cấm xe em nhưng em phải bỏ tiền ra chuộc về nên nó đền cho em xe này. Nghe vậy nên T nói với Tuấn D yêu cầu anh C viết giấy cho mượn chiếc xe máy Click. Sau đó, trên đường chở chị T về, T nói chuyện điện thoại với Tuấn D để thống nhất yêu cầu anh C viết “Giấy thỏa thuận cho mượn xe”. Tuấn D bảo anh C viết giấy cho Quang mượn chiếc xe Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081 (tên Quang do Tuấn D tự nghĩ ra, vì khi Tuấn D hỏi T viết tên ai, T nói tên ai cũng được). Sau khi anh C viết xong, Tuấn D gọi điện thoại báo cho T biết, T bảo Tuấn D đưa anh C về nhà trọ để biết chỗ ở, đề phòng anh C trốn không trả nợ. Tuấn D bảo anh C đưa chìa khóa xe máy Click cho Tiến D để đi xe về nhà trọ của Tuấn D cùng M, K. Tuấn D đưa anh C về phòng trọ của anh C, rồi về sau.

Cùng ngày, sau khi sự việc xảy ra, anh Vũ Đình C đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm:

- Thu do chị Cao Thị Kim T giao nộp: 01 giấy nhận tiền mặt.
- Thu do Phạm Tuấn D giao nộp: 01 giấy hẹn trả tiền; 01 giấy thỏa thuận cho mượn xe và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi trắng, sim số 0985832389.
- Thu do Ngô Minh M giao nộp: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen, biển kiểm soát 34P2-7081 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu

trắng, Imei 359232060387160, sim số 0985794803.

- Thu do Văn Minh T giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, Imei 354838094497141;

Tại Kết luận định giá tài sản số 229A/KL-HĐ ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081, có trị giá 9.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đình C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Ngô Minh M, Cao Xuân K, Nguyễn Tiến D và không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 292/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Văn Minh T.

Áp dụng d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M.

Xử phạt:

- Văn Minh T từ 30 tháng đến 33 tháng tù.
- Phạm Tuấn D từ 42 tháng đến 48 tháng tù.
- Cao Xuân K từ 36 tháng đến 42 tháng tù.
- Ngô Minh M từ 36 tháng đến 42 tháng tù.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự nữa, nên không xét trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án giải quyết và tuyên theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc anh Vũ Đình C nợ chị Cao Thị Kim T số tiền 161.458.000 đồng nhưng chưa trả nên khi nghe chị T nói chuyện về việc anh C nợ tiền nêu trên, Văn Minh T, là người có quan hệ tình cảm với chị T, đã nhờ Phạm Tuấn D đòi nợ giúp. Phạm Tuấn D nhận lời và rủ thêm Ngô Minh M, Cao Xuân K, Nguyễn Tiến D cùng tham gia tìm anh C để đòi nợ. Khoảng 10 giờ ngày 18/3/2020, các đối tượng hẹn gặp được anh C tại quán nước của anh Nguyễn Văn T tại khu vực vỉa hè đầu Ngõ 2, đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, Văn Minh T là người đưa ra các yêu cầu để Phạm Tuấn D thực hiện, có sự giúp sức của Ngô Minh M, Cao Xuân K, Nguyễn Tiến D, cùng nhau đe dọa, ép anh Vũ Đình C phải viết giấy “Giấy nhận tiền mặt” để xin việc làm và viết “Giấy hẹn trả tiền”, nhằm buộc anh C phải nhận khoản tiền nợ 160.000.000 đồng, phải cam kết trả trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bị ép viết giấy nhận nợ. Đồng thời, các đối tượng còn ép anh C phải viết “Giấy thỏa thuận cho mượn xe” để chiếm đoạt chiếc xe máy anh C sử dụng để đi đến quán nước nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 34P2-7081 trị giá 9.000.000 đồng. Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt và nhằm chiếm đoạt của anh Vũ Đình C là 169.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt đã

được quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự. Do quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo đã chiếm đoạt và nhằm chiếm đoạt của người bị hại tổng số tiền là 169.000.000 đồng là thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, vì vậy Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M bị Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia song không có sự chuẩn bị bàn bạc cụ thể, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Đối với Phạm Tuấn D thì thấy: bản thân D cũng nhận T rõ việc đe dọa người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng khi được T nhờ đi đòi tiền thì Tuấn D đã đồng ý ngay, chính D là người rủ thêm K, M, Tiến D cùng phạm tội, bản thân bị cáo là người trực tiếp đe dọa anh C, ép anh C viết giấy nhận nợ, khi thực hiện tội phạm cũng rất tích cực. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo có 03 tiền án đều đã được xóa nhưng điều đó cũng cho thấy mặc dù bị cáo đã được cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục song bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân, mà ngày càng lao sâu vào con đường phạm tội. Nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đối với Văn Minh T là người trực tiếp nhờ Phạm Tuấn D đi đòi nợ hộ chị T. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với hai bị cáo Cao Xuân K và Ngô Minh M là người giúp bị cáo T và D đòi tiền mà anh C nợ T không trả. Các bị cáo K và M đã có hành vi đe dọa, ép anh C phải viết giấy nhận tiền mặt, giấy hẹn trả tiền và giấy thỏa thuận cho mượn xe. Xét về nhân thân của từng bị cáo thì thấy, đối với bị cáo K có 01 tiền án đã được xóa, sau khi phạm tội đã có thời gian bỏ trốn, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng; đối với bị cáo M nhân thân có 01 tiền sự đã được xóa nên cũng cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với vai trò đồng phạm trong vụ án và mức hình phạt của bị cáo K cần phải cao hơn bị cáo M.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K, Ngô Minh M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với Phạm Tuấn D, Cao Xuân K và Ngô Minh M sau khi vụ án bị phát hiện các bị cáo đều đã khai nhận thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo M còn có bố đẻ là ông Ngô Minh D đã có thời gian phục vụ trong quân đội được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và huy chương chiến sĩ giải phóng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Văn Minh T: nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và bị xử lý trước pháp luật; tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn hối cải; tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên được người bị hại ghi nhận có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, gia đình bị cáo còn có cậu ruột là ông Đào Duy T là liệt sỹ chống Mỹ, hiện tại mẹ bị cáo là bà Đào Thị T đang là người thờ cúng liệt sỹ T, thuộc gia đình chính sách. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Phạm Tuấn D, Cao Xuân K và Ngô Minh M cũng cần phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội 1 thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Văn Minh T do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên có thể xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[7] Về các vấn đề khác: Trong vụ án, còn có bị can Nguyễn Tiến D hiện Tiến D đang bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã quyết định truy nã để truy bắt nhưng đến nay chưa truy bắt được. Ngày 16/11/2020, Cơ quan điều tra công an quận H đã ra Quyết định tách vụ án hình sự Cường đoạt tài sản số 08 đối với bị can Nguyễn Tiến D, khi nào truy bắt được Tiến D sẽ xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

Đối với chị Cao Thị Kim T, là người bị anh Vũ Đình C nợ tiền và được Văn Minh T nhận nhờ người đòi nợ giúp. Chị T không tham gia bàn bạc cách T đòi nợ với các đối tượng. Quá trình các đối tượng thực hiện hành vi đe dọa, ép anh C viết giấy nhận tiền mặt, giấy hẹn trả tiền và giấy thỏa thuận cho mượn xe,

chị T không có mặt chứng kiến sự việc, do đó không đủ căn cứ quy kết chị T có hành vi đồng phạm trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[8] Về hình phạt bổ sung: là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015. Song do các bị cáo không có việc làm ổn định và không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Văn Minh T, Phạm Tuấn D, Cao Xuân K và Ngô Minh M.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Vũ Đình C đều không có yêu cầu gì về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[10]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi trắng, sim số 0985832389; của bị cáo Ngô Minh M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, sim số 0985794803; của Văn Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, số sim 0974772288. Quá trình điều tra đã làm rõ được Tuấn D, M, T đã sử dụng những chiếc điện thoại nêu trên vào việc phạm tội, xét đây là tài sản dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen, biển kiểm soát 34P2-7081, thu của Ngô Minh M. Qua điều tra xác minh làm rõ được đây là tài sản của anh Vũ Đình C. Do đó, cần tuyên trả lại anh C chiếc xe trên để anh C quản lý, sử dụng.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn D, Văn Minh T, Cao Xuân K và Ngô Minh M phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Tuấn D, Cao Xuân K và Ngô Minh M.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Văn Minh T.

Xử phạt:

- Phạm Tuấn D 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2020.

- Văn Minh T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2020.

- Cao Xuân K 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2020.

- Ngô Minh M 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47, điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tuyên trả lại anh Vũ Đình C 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen, BKS 34P2-7081, xe có số máy: JF8E0204619, số khung: 1802AY753982 đã qua sử dụng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội).

- Tịch thu sung phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi trắng, sim số 0985832389; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, sim số 0985794803; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, số sim 0974772288, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

4. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về án phí, lệ phí Tòa án).

Các bị cáo Phạm Tuấn D, Văn Minh T, Cao Xuân K và Ngô Minh M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại anh Vũ Đình C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Cao Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục thi hành án Dân sự quận Hà Đông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Hồng Lý